

Bản án số: **13/2021/DS-ST**

Ngày 15 - 6 – 2021

V/v “*Tranh chấp hợp đồng tín dụng*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN KRÔNG NÔ, TỈNH ĐẮK NÔNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Xuân Hoàng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Đình Bông; Ông Hồ Quang Hiến.

- Thư ký phiên tòa: Trương Đình Hội – Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Krông Nô.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Krông Nô tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thị Thùy Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 6 năm 2021, tại phòng xử án Tòa án nhân dân huyện Krông Nô tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 81/2020/TLST-DS, ngày 29/4/2020, về việc “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 05/2021/QĐXXST-DS, ngày 14/4/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số: 93/2021/QĐST-DS, ngày 05/5/2021; Quyết định Tạm ngừng phiên tòa số: 19/2021/QĐST-DS, ngày 24/5/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng Thương mại cổ phần (TMCP) KL.

Địa chỉ: số 40-42-44 Phạm Hồng Th, phường Vĩnh Thanh V, thành phố Rạch Giá, tỉnh Kiên Giang.

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Tuấn A – C/v Tổng giám đốc.

Người đại diện theo ủy quyền của bà Trần Tuấn A: Ông Nguyễn Chí Nh – C/v giám đốc Ngân hàng TMCP KL – Chi nhánh Đắk Lắk.

(Theo giấy ủy quyền số 2636/UQ-NHKL ngày 05/12/2019)

Người đại diện theo ủy quyền của ông Nguyễn Chí Nh: Ông Lê Hoài S – C/v Trưởng phòng kinh doanh Ngân hàng TMCP KL – Chi nhánh Đắk Lắk – có mặt.

(Theo giấy ủy quyền số 97/UQ-NHKL ngày 14/12/2020)

- Bị đơn: ông Bùi Văn B, bà Nguyễn Thị D. (vắng mặt lần 2 không lý do)

Cùng địa chỉ: Thôn Đắk H, thị trấn Đ (nay là xã Nam X), huyện Krông N, tỉnh Đắk Nông.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 02 năm 2020 (nộp trực tiếp tại Tòa án ngày 20/4/2020), quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, người đại diện theo ủy quyền lại của nguyên đơn, ông Lê Hoài Sơn trình bày:

Ngày 22/06/2015 ông Bùi Văn B và bà Nguyễn Thị D có vay vốn tại Ngân hàng thương mại cổ phần (TMCP) KL – Chi nhánh Đắk Lắk (gọi tắt là Ngân hàng) theo hợp đồng tín dụng (HĐTD) số 404/15/HĐTD/0700-0357 số tiền vay 160.000.000 đồng (Một trăm sáu mươi triệu đồng), thời hạn vay 12 tháng, lãi suất 13,05%/năm, kể từ tháng thứ 04 tính từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất vay (LSV) được điều chỉnh 03 tháng/lần và LSV điều chỉnh được tính như sau: LSV bằng (=) Lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng của loại tiền mà Bên B đang vay, loại lãi cuối kỳ do Bên A công bố tại thời điểm thay đổi LSV cộng (+) biên độ 3,96%/năm. LSV sau khi thay đổi không được thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu hiện hành tại Bên A (cùng loại hình và phương thức vay), lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay đang áp dụng tại thời điểm liền trước thời điểm phát sinh nợ quá hạn.

Để đảm bảo cho khoản vay trên ông Bùi Văn B và bà Nguyễn Thị D đã thế chấp cho Ngân hàng quyền sử dụng đất theo hợp đồng thế chấp (HĐTC) số: 404/15/HĐTC-BĐS/0700-0357 ngày 17/06/2015 như sau: Thửa đất số 120; diện tích 8007m², thửa đất số 127; diện tích 2155m² cùng tờ bản đồ số 17, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL168929 do UBND huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông cấp ngày 06/12/2007 cho hộ ông Bùi Văn B và bà Nguyễn Thị D địa chỉ: thôn Đắk Xuân, xã Đắk Sôr cũ (nay là Đắk H, thị trấn Đ hiện nay chuyển về địa giới xã Nam X), huyện Krông N, tỉnh Đắk Nông, được công chứng tại Văn phòng công chứng Krông Nô, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông ngày 18/6/2015 và được đăng ký giao dịch đảm bảo tại văn phòng đăng ký đất đai huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông ngày 18/06/2015. Trong quá trình thực hiện hợp đồng vay ông Bùi Văn B và bà Nguyễn Thị D đã không thực hiện nghĩa vụ trả nợ đúng như hợp đồng đã ký. Do đó ông Bùi Văn B và bà Nguyễn Thị D đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã được ký kết với Ngân hàng KL, mặc dù đã được nhắc nhở rất nhiều lần nhưng không hiệu quả, nên ngân hàng khởi kiện ông B, bà D ra Tòa án để yêu cầu Tòa án buộc ông B, bà D trả nợ. Tại phiên tòa nguyên đơn yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Buộc ông Bùi Văn B và bà Nguyễn Thị D phải thanh toán Ngân hàng TMCP KL cho tổng số tiền là 183.596.833 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 105.819.000 đồng; tiền lãi quá hạn 77.777.333 đồng, (tính đến ngày xét xử 15/6/2021).

- Kể từ ngày 16/6/2021, ông Bùi Văn B và bà Nguyễn Thị D còn phải tiếp tục thanh toán số tiền lãi theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 404/15/HĐTD/0700-0357 ngày 22/6/2015.

- Trường hợp yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng KL được chấp nhận, sau khi bản án có hiệu lực ông Bùi Văn B và bà Nguyễn Thị D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng KL, Ngân hàng KL có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền tiến hành kê biên, phát mãi tài sản thế chấp

theo HĐTC số 404/15/HĐTC-BDS/0700-0357 ngày 17/06/2015 để thu hồi nợ cho Ngân hàng KL.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát: Quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa; tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký đã thực hiện đúng, đầy đủ các trình tự thủ tục quy định; Nguyên đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Bị đơn không chấp hành đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự:

+Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn. Buộc ông Bùi Văn B và bà Nguyễn Thị D phải thanh toán Ngân hàng TMCP KL cho tổng số tiền là 183.596.833 đồng, trong đó số tiền nợ gốc là 105.819.000 đồng; tiền lãi quá hạn 77.777.333 đồng, (tính đến ngày xét xử 15/6/2021), ông B, bà D tiếp tục phải chịu lãi suất theo hợp đồng tín dụng đã ký kể từ ngày 16/6/2021 cho đến khi thi hành xong các khoản nợ.

+Về xử lý tài sản thế chấp: Trường hợp ông B, bà D không thực hiện được nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc, tiền lãi cho Nguyên đơn thì Nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi các tài sản thế chấp trên để thu hồi nợ.

+Về lệ phí xem xét thẩm định tại chỗ: Buộc ông Bùi Văn B và bà Nguyễn Thị D phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ theo quy định pháp luật.

+Về chi phí đăng trên phương tiện thông tin đại chúng: Ngân hàng KL phải chịu chi phí đăng trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định pháp luật.

+Về án phí: Buộc ông Bùi Văn B và bà Nguyễn Thị D chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả thẩm tra công khai các tài liệu, chứng cứ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Về quan hệ pháp luật: Ngân hàng TMCP KL khởi kiện ông Bùi Văn B, bà Nguyễn Thị D do vi phạm hợp đồng tín dụng mà hai bên ký kết vào ngày 22/6/2015 khi thụ lý vụ án Tòa án xác định là vụ án dân sự với quan hệ pháp luật được xác định là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng” quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự (BLTTDS).

[1.2] Thẩm quyền giải quyết: Bị đơn có hộ khẩu tại thôn Đăk H, thị trấn Đ, huyện Krông N, tỉnh Đắk Nông. Vì vậy, tranh chấp này thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Krông N theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 BLTTDS.

[1.3] Về thời hiệu khởi kiện: Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP KL và ông Bùi Văn B, bà Nguyễn Thị D được ký kết vào ngày 22/6/2015, thời hạn trả 12 tháng vào ngày 22/6/2016 đến hạn ông Bùi Văn B, bà Nguyễn Thị D không trả được nợ Ngân hàng đã làm việc nhiều lần vào năm 2017. Do vậy không vi phạm thời hiệu

khởi kiện quy định tại Điều 184 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 429 của Bộ luật dân sự.

Về hình thức và nội dung của hợp đồng: Hợp đồng tín dụng giữa Ngân hàng TMCP KL và ông Bùi Văn B, bà Nguyễn Thị D được ký kết vào ngày 22/6/2015 có hình thức và nội dung phù hợp với quy định của bộ luật dân sự và Luật các tổ chức tín dụng và các văn bản bổ sung.

[1.4] Về sự vắng mặt của bị đơn: Ông Bùi Văn B, bà Nguyễn Thị D mặc dù đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng cho ông B, bà D và thông báo tìm kiếm trên phương tiện thông tin đại chúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự nhưng bị đơn vắng mặt, Ngày 05/5/2021 Tòa án mở phiên tòa xét xử lần thứ nhất theo, ông B, bà D vắng mặt nên Hội đồng xét xử đã hoãn phiên tòa lần thứ nhất theo quy định tại khoản 1 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quyết định hoãn phiên tòa, Quyết định Tạm ngừng phiên tòa có thông báo thời gian mở lại phiên tòa đã tổng đạt hợp lệ cho các đương sự nhưng bị đơn vẫn vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai. Việc bị đơn không chấp hành pháp luật được coi tự ý từ bỏ quyền được tham gia tố tụng, quyền tự bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình quy định tại Điều 6, Điều 72 của Bộ luật tố tụng dân sự. Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt ông Bùi Văn B, bà Nguyễn Thị D theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn:

[2.1]. Về nội dung Hợp đồng tín dụng: Căn cứ vào Hợp đồng tín dụng số 404/15/HĐTD/0700-0357 ngày 22/6/2015. Số tiền vay là 160.000.000 đồng; Thời hạn: 12 tháng (từ ngày 22/6/2015 đến ngày 22/6/2016); Mục đích vay: Đầu tư chăm sóc cà phê và hồ tiêu; lãi suất 13.05%/năm, kể từ tháng thứ 04 tính từ ngày giải ngân đầu tiên, lãi suất vay (LSV) được điều chỉnh 03 tháng/lần và LSV điều chỉnh được tính như sau: LSV bằng (=) Lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng của loại tiền mà Bên B đang vay, loại lãi cuối kỳ do Bên A công bố tại thời điểm thay đổi LSV cộng (+) biên độ 3,96%/năm. LSV sau khi thay đổi không được thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu hiện hành tại Bên A (cùng loại hình và phương thức vay), lãi suất quá hạn 150% lãi suất cho vay đang áp dụng tại thời điểm liền trước thời điểm phát sinh nợ quá hạn.

Hội đồng xét xử xét thấy: Hợp đồng tín dụng thể hiện dưới hình thức văn bản, thể hiện sự tự nguyện, tự thỏa thuận giữa bên cho vay là Ngân hàng TMCP KL và bên vay là ông Bùi Văn B, bà Nguyễn Thị D. Hợp đồng tín dụng đã thể hiện rõ về mức cho vay, phương thức cho vay, thời hạn cho vay, lãi suất cho vay, trả nợ gốc và lãi vốn vay, quyền và nghĩa vụ của bên cho vay; bên vay... đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 91 Luật các tổ chức tín dụng; Điều 10; Điều 11; Điều 12; Điều 13; Điều 18; Điều 19; Điều 20; Điều 23 của Thông tư số 39/2016/TT-NHNN, ngày 30/12/2016.

[2.2]. Về yêu cầu thanh toán tiền nợ gốc, tiền lãi trong hạn, lãi quá hạn:

[2.2.1]. Theo Hợp đồng tín dụng số 404/15/HĐTD/0700-0357 ngày 22/6/2015, thì ông Bùi Văn B, bà Nguyễn Thị D vay số tiền là 160.000.000 đồng với thời hạn vay

12 tháng. Như vậy thời điểm trả nợ của bị đơn vào ngày 22/6/2016, bị đơn chỉ thanh toán được số tiền nợ gốc 54.181.000 đồng vào ngày 14/9/2016, còn nợ lại tiền gốc 105.819.000 đồng sau đó bị đơn không thanh toán được. Nguyên đơn đã nhiều lần làm việc trực tiếp với bị đơn, nhưng bị đơn vẫn không thanh toán được. Vì vậy, nguyên đơn khởi kiện bị đơn ra Tòa án nhân dân huyện Krông Nô yêu cầu bị đơn phải thanh toán số tiền nợ gốc 105.819.000 đồng là có căn cứ cần chấp nhận.

[2.2.2]. Xét yêu cầu thanh toán tiền nợ lãi của nguyên đơn đối với bị đơn: HĐXX xét thấy tại giấy đề nghị giải ngân kiêm khế ước nhận nợ số 404-06/15/KUNN.CN ngày 22/6/2015 kèm theo Hợp đồng tín dụng số 404/15/HĐTD/0700-0357 ngày 22/6/2015 thể hiện thời điểm Nguyên đơn giải ngân cho bị đơn thì lãi suất cho vay là 13,5%/năm áp dụng trong 03 tháng đầu tiên từ ngày vay 22/6/2015 đến ngày 22/9/2015), mức lãi suất này sẽ được điều chỉnh 03 tháng/lần và được tính bằng lãi suất tiền gửi tiết kiệm kỳ hạn 12 tháng lãnh lãi cuối kỳ của Ngân hàng TMCP KL tại thời điểm thay đổi lãi suất cộng (+) biên độ 3,96%/năm. Lãi suất ngay sau khi điều chỉnh không được thấp hơn lãi suất cho vay tối thiểu hiện hành tại đơn vị (cùng loại hình và cùng phương thức vay).

- Quá trình thực hiện hợp đồng tín dụng, ông B, bà D đã thanh toán cho Nguyên đơn số tiền lãi trong hạn 20.918.000 đồng và lãi quá hạn 25.785.701 đồng, cụ thể;

+ Lãi trong hạn của số tiền vay 160.000.000 đồng: tính từ ngày 22/6/2015 đến ngày 22/12/2015 là 183 ngày, lãi suất cho vay 13,05%/năm, số ngày tính lãi 183 ngày = $160.000.000 \text{ đồng} \times 13,05\% / \text{năm} \times 1 \text{ ngày} = 10.614.000 \text{ đồng}$

+ Lãi suất trong hạn sau khi được điều chỉnh là 12,6%/năm, tính từ ngày 22/12/2015 đến ngày 23/6/2016 là 184 ngày, lãi suất cho vay 12,6%/năm, số ngày tính lãi 184 ngày = $160.000.000 \text{ đồng} \times 12,6\% / \text{năm} \times 184 \text{ ngày} = 10.304.000 \text{ đồng}$.

Tổng lãi trong hạn: 20.918.000 đồng.

-Lãi quá hạn còn phải thanh toán:

Lãi quá hạn: $12,6\% / \text{năm} \times 150\% = 18,90\% / \text{năm}$ tính từ ngày 15/8/2017 đến 15/6/2021 là 1400 ngày (03 năm 10 tháng 20 ngày): $105.819.500 \text{ đồng} \times 18,9\% / \text{năm} = 103.563.033 \text{ đồng}$. Ông B, bà D đã thanh toán được số tiền 25.785.701 đồng, lãi quá hạn còn lại ông B, bà D còn phải thanh toán là 77.777.333 đồng.

Tổng cộng cả gốc và lãi tính đến ngày xét xử ngày 15/6/2021 ông Bùi Văn B, bà Nguyễn Thị D còn nợ Ngân hàng TMCP KL là 183.596.833 đồng (làm tròn). Ông Bùi Văn B, bà Nguyễn Thị D phải tiếp tục chịu thêm lãi suất phát sinh từ ngày 16/6/2021 theo Hợp đồng tín dụng số 404/15/HĐTD/0700-0357 ngày 22/6/2015; Khế ước nhận nợ kèm theo cho đến khi thi hành án xong các khoản nợ trên, kể từ ngày 16/6/2021.

[2.3]. Về yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm.

Tại Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 404/15/HĐTC-BĐS/0700-0357 ngày 17/06/2015 được ký giữa Ngân hàng TMCP KL – Chi nhánh Đắk Lắk và ông Bùi Văn B, bà Nguyễn Thị D. Tài sản thế chấp bao gồm: Thửa đất số 120; diện tích 8007m², thửa đất số 127; diện tích 2155m² cùng tờ bản đồ số 17, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL168929 do UBND huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông, do

UBND huyện Krông Nô cấp ngày 06/12/2007 cho hộ ông Bùi Văn B và bà Nguyễn Thị D địa chỉ: thôn Đắc X, xã Đắc Sôr cũ (nay là Đắc H, thị trấn Đ hiện nay chuyển về địa giới xã Nam X), huyện Krông N, tỉnh Đắk Nông, được công chứng tại Văn phòng công chứng Krông Nô, huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông ngày 18/6/2015 và được đăng ký giao dịch đảm bảo tại văn phòng đăng ký đất đai huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông ngày 18/06/2015.

Tại biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 30/12/2020 thể hiện: Hai thửa đất số 120, 127 tờ bản đồ số 17 có diện tích 10162m² các cạnh tiếp giáp phù hợp với sơ đồ được thể hiện tại giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AL 168829 do UBND Huyện Krông Nô, tỉnh Đắk Nông cấp ngày 06/12/2007 cho hộ ông Bùi Văn B và bà Nguyễn Thị D. Tài sản trên thửa đất số 127 tại thời điểm xem xét, thẩm định tại chỗ không có tài trên đất, không có ai sử dụng bỏ hoang. Tài sản trên thửa đất số 120 có 01 nhà gỗ; vách ván, mái ngói, nền lát xi măng không có ai sử dụng ngoài ra không có tài sản nào khác.

Xét thấy việc ông B, bà D thế chấp các tài sản gắn liền với quyền sử dụng đất nói trên để đảm bảo cho khoản tiền vay thực hiện theo Hợp đồng tín dụng số 404/15/HĐTD/0700-0357 ngày 22/6/2015 là phù hợp, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên hộ ông Bùi Văn B và bà D, trong hộ khẩu khi làm Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất hộ ông B có ông B bà D và con trai Bùi Trung Nguyên sinh năm 2003, dưới 15 tuổi nên không phải ủy quyền khi thế chấp tài sản chung là hợp pháp. Vì vậy, trường hợp ông B, bà D không thực hiện được nghĩa vụ thanh toán số tiền nợ gốc, tiền lãi cho Nguyên đơn thì Nguyên đơn có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án có thẩm quyền phát mãi các tài sản thế chấp trên để thu hồi nợ là có căn cứ nên cần chấp nhận.

[3]. Xét quan điểm của Viện kiểm sát về việc tuân theo pháp luật của người tiến hành tố tụng và người tham gia tố tụng là đúng quy định của pháp luật. Về nội dung đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp nên chấp nhận.

[4]. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Do yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn không phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ, bị đơn ông B, bà D phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ với số tiền 4.000.000 đồng theo quy định tại Điều 157 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ngân hàng TMCP KL đã tạm ứng chi phí trên nên ông B, bà D có trách nhiệm thanh toán lại số tiền 4.000.000 đồng cho Ngân hàng TMCP KL theo khoản 1 Điều 158 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[5]. Lệ phí thông báo trên phương tiện đại chúng: Căn cứ khoản 2 Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự Ngân hàng TMCP KL phải chịu 5.000.000 đồng phí thông báo trên phương tiện đại chúng được trừ vào số tiền 5.000.000 đồng tạm ứng lệ phí sự Ngân hàng TMCP KL đã nộp.

[6] Án phí dân sự: Yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn Ngân hàng TMCP KL được chấp nhận vì vậy bị đơn ông B, bà D phải chịu số tiền án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 của NQ 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016. Hoàn trả Ngân hàng TMCP KL số tiền

3.715.000 đồng tạm ứng án phí mà Ngân hàng TMCP KL (Người nộp tiền Lương Văn Mười) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Nô theo biên lai số 0002960, ngày 27/4/2020.

[7] Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, Bị đơn có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 410, Điều 429, Điều 463, Điều 466 Bộ luật dân sự. Điều 91, Luật các tổ chức tín dụng.

Căn cứ khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 155, Điều 157 Điều 180, Điều 266, Điều 271, Điều 273, Điều 278 và khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng Thương Mại Cổ phần KL.

Buộc ông Bùi Văn B, bà Nguyễn Thị D phải thanh toán cho Ngân hàng Thương Mại Cổ phần KL (Đại diện nhận tiền là Ngân hàng Thương Mại Cổ phần KL – Chi nhánh Đắk Lắk). Tổng số tiền gốc và lãi là 183.596.833 đồng (làm tròn), (trong đó số tiền nợ gốc là 105.819.5000 đồng, số tiền nợ lãi quá hạn là 77.777.833 đồng), tính đến ngày xét xử sơ thẩm, ngày 15/6/2021.

Kể từ ngày 16/6/2021, ông Bùi Văn B, bà Nguyễn Thị D phải tiếp tục thanh toán số tiền lãi theo mức lãi suất mà hai bên thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng số 404/15/HĐTD/0700-0357 ngày 22/6/2015 cho đến khi xong các khoản nợ.

Trường hợp ông Bùi Văn B, bà Nguyễn Thị D không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thanh toán nợ cho Nguyên đơn, Nguyên đơn có quyền yêu cầu Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền phát mãi tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số 404/15/HĐTC-BDS/0700-0357 ngày 17/06/2015 để thu hồi nợ.

2. Chi phí xem xét thẩm định tại chỗ: Ông Bùi Văn B, bà Nguyễn Thị D phải chịu chi phí xem xét thẩm định tại chỗ với số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng). Ông Bùi Văn B, bà Nguyễn Thị D có trách nhiệm thanh toán số tiền 4.000.000 đồng (Bốn triệu đồng) cho Ngân hàng thương mại cổ phần KL (Đại diện nhận tiền là Ngân hàng thương mại cổ phần KL – Chi nhánh Đắk Lắk).

3. Lệ phí thông báo trên phương tiện đại chúng: Căn cứ khoản 2 Điều 180 của Bộ luật tố tụng dân sự Ngân hàng TMCP KL phải chịu 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) phí thông báo trên phương tiện đại chúng được trừ vào số tiền 5.000.000 đồng (Năm triệu đồng) tạm ứng lệ phí sự Ngân hàng TMCP KL đã nộp.

4. Án phí dân sự: Áp dụng Điều 26 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:.

Buộc ông Bùi Văn B, bà Nguyễn Thị D phải chịu 9.179.000 đồng (Chín triệu một trăm bảy mươi chín nghìn đồng, làm tròn số) án phí dân sự sơ thẩm là.

Hoàn trả Ngân hàng thương mại cổ phần KL số tiền **3.715.000** đồng (*Ba triệu bảy trăm mười lăm nghìn đồng*) tạm ứng án phí Ngân hàng thương mại cổ phần KL (đại diện nhận tiền là Ngân hàng thương mại cổ phần KL – Chi nhánh Đắk Lắk) đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Krông Nô theo biên lai số **lai số 0002960**, ngày **27/4/2020**.

5. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo Bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo phần bản án liên quan đến quyền lợi của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thu hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự. Thời hiệu yêu cầu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đắk Nông;
- VKSND huyện Krông Nô;
- Chi cục TH.ADS huyện Krông Nô;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM/HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ Tọa phiên tòa

(Đã ký)

Phan Xuân Hoàng